

Ngày 30/09/2025	17,600 VNĐ		
Thay đổi	1 tháng	3 tháng	6 tháng
	-3.3%	17.6%	0.0%

DT thuần Q3/25
3,680
tỷ VNĐ
QoQ: ▼577 -13.5%
YoY: ▼1,483 -28.7%

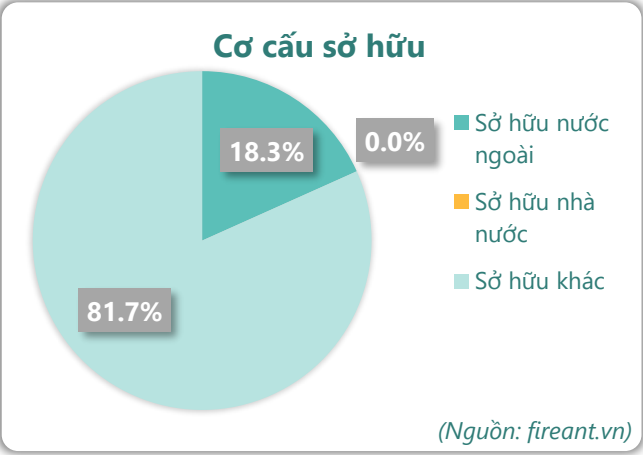
LN thuần Q3/25
104
tỷ VNĐ
QoQ: ▼3.00 -2.5%
YoY: ▲ 39.3 61.2%

LN sau thuế Q3/25
85.0
tỷ VNĐ
QoQ: ▼2.70 -3.1%
YoY: ▲ 31.3 58.3%

Tỷ suất lãi EBIT Q3/25
4.7%
YoY: +/-▲ 0.3%

ROE (TTM) Q3/25
6.6%
YoY: +/-▲ 0.7%

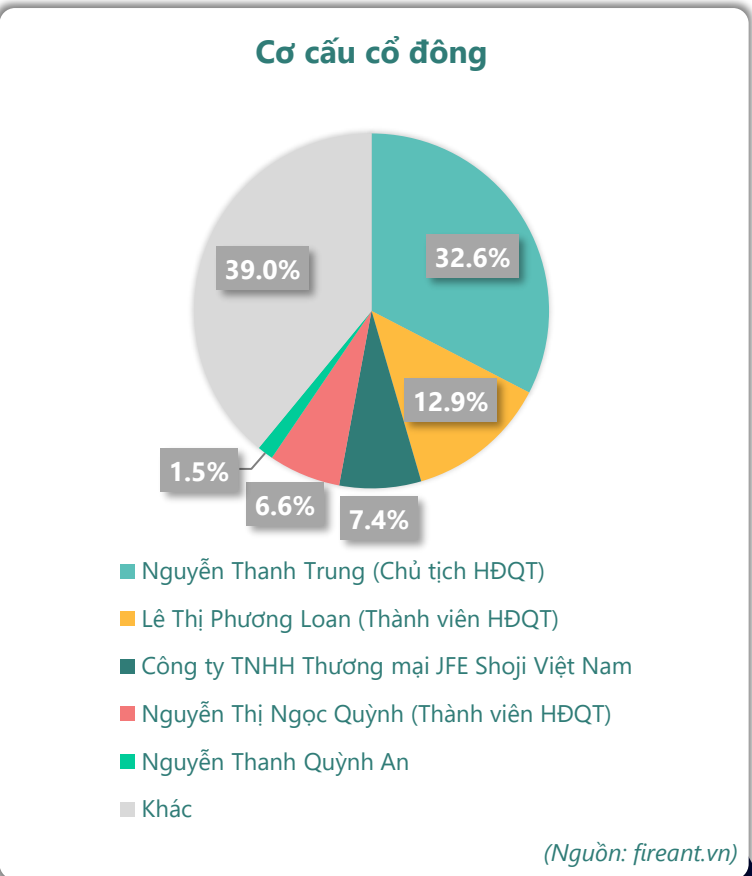
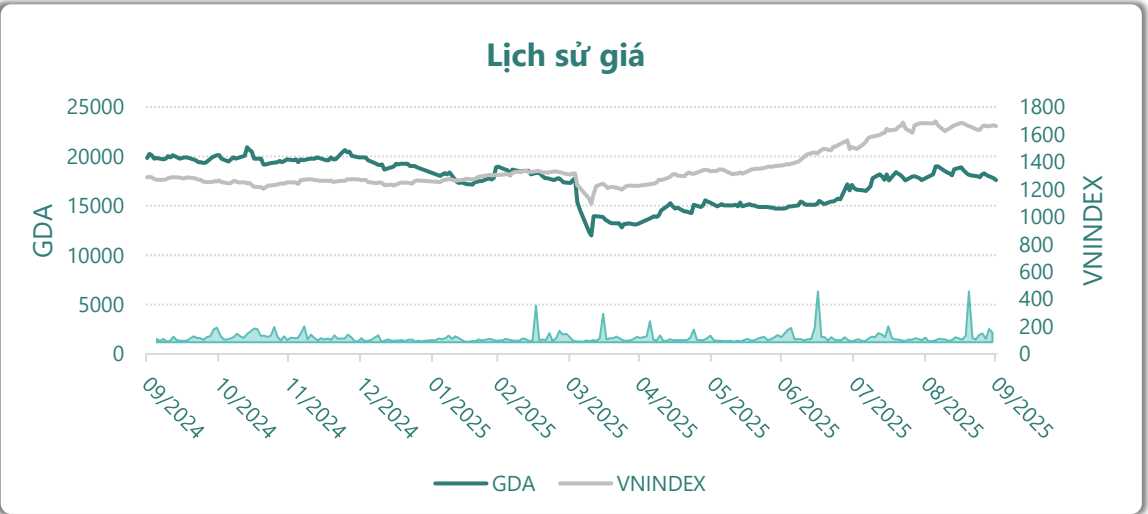
Sàn giao dịch	UPCOM
Khoảng giá 52 tuần	11,997 - 20,940
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	2,624
Số lượng CPLH (CP)	149,098,851
KLGD BQ 20 phiên (CP)	185,750
Sở hữu nước ngoài	18.3%
Beta	1.63
EPS	1,722
P/E	10.2



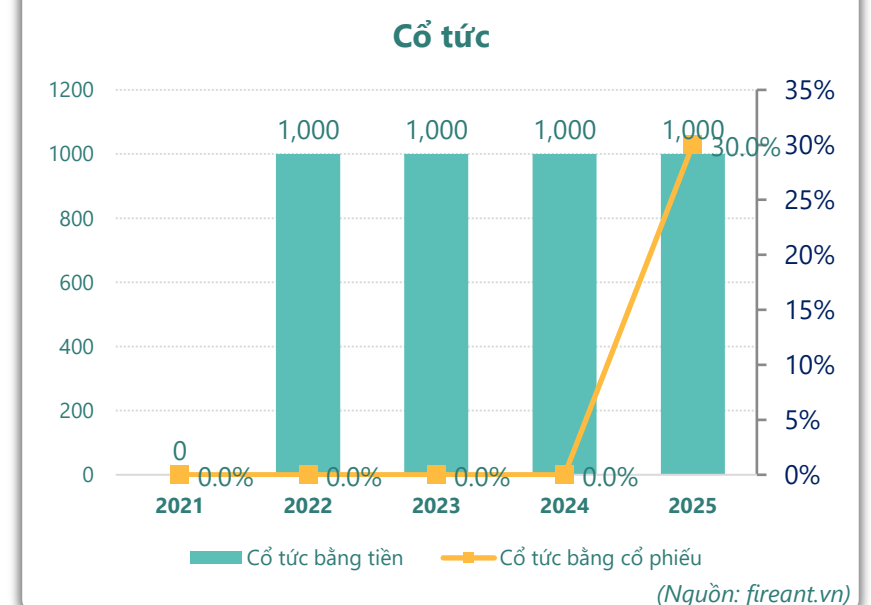
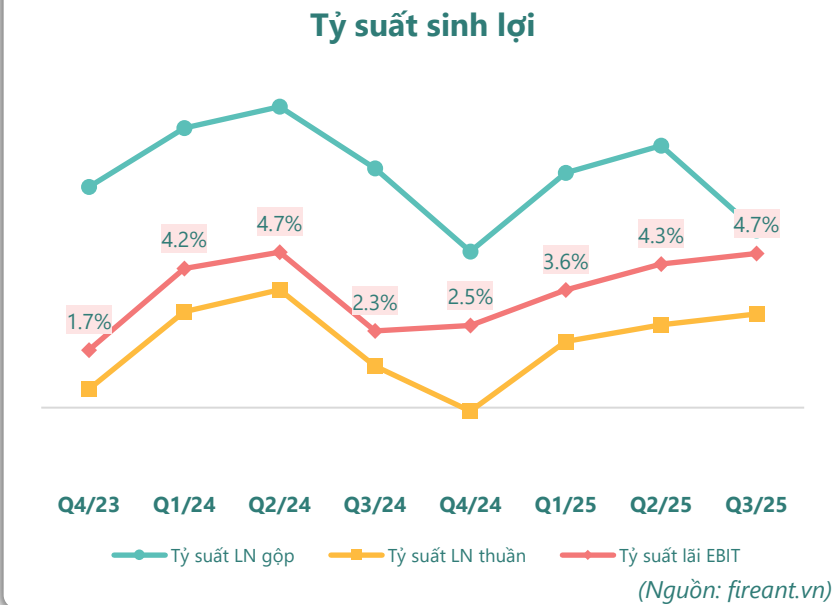
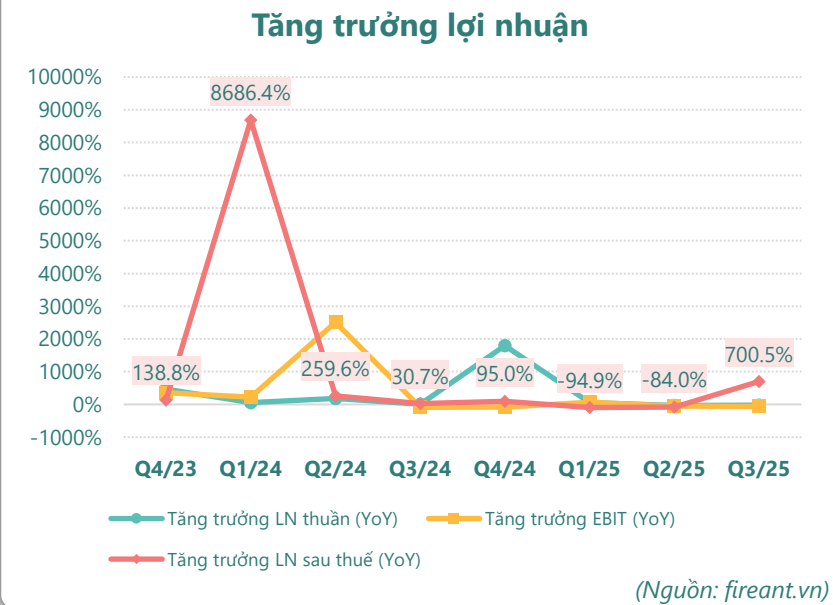
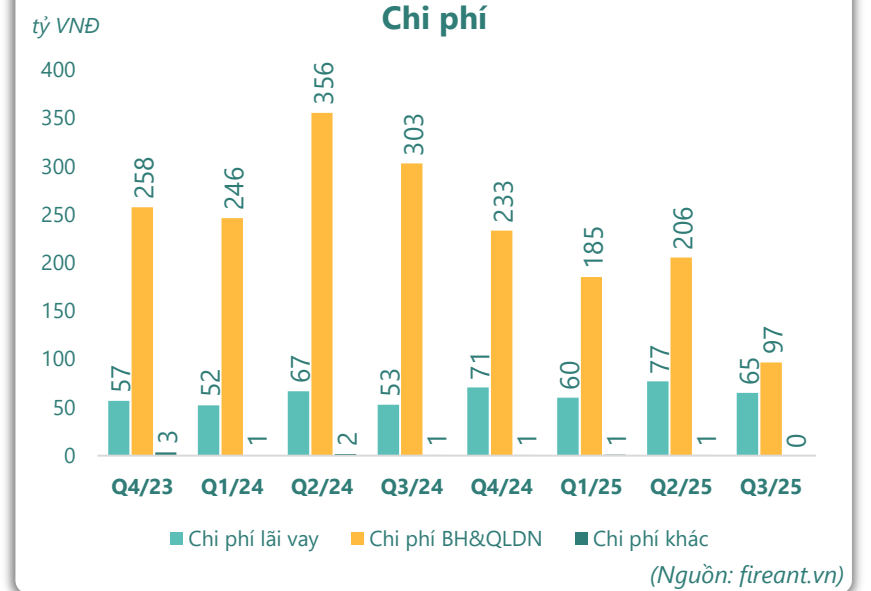
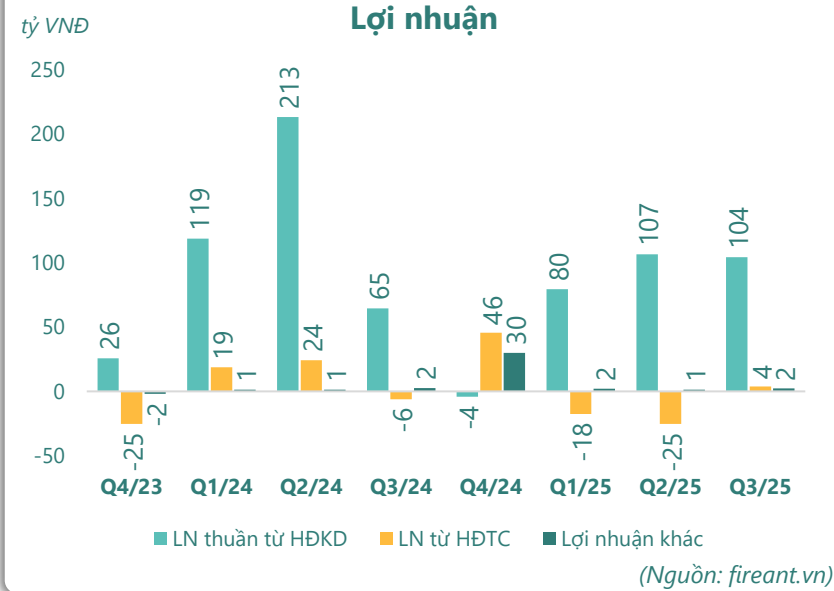
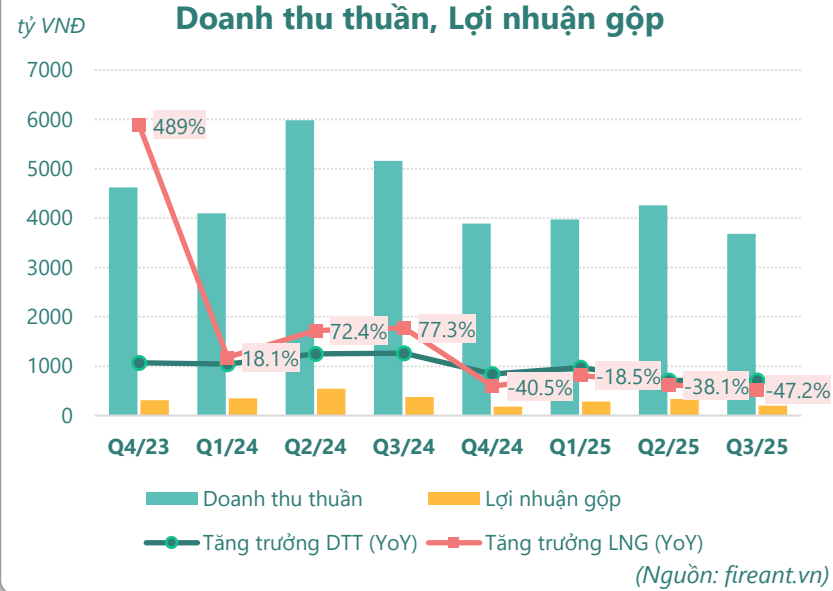
DT thuần 9T 2025
11,914
tỷ VNĐ
YoY: ▼3,334 -21.9%

LN thuần 9T 2025
291
tỷ VNĐ
YoY: ▼106 -26.8%

LN sau thuế 9T 2025
235
tỷ VNĐ
YoY: ▼85.0 -26.5%



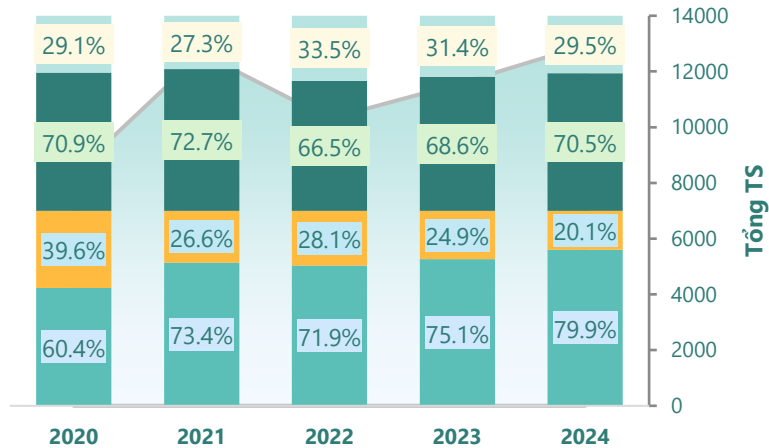
KẾT QUẢ KINH DOANH



TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản

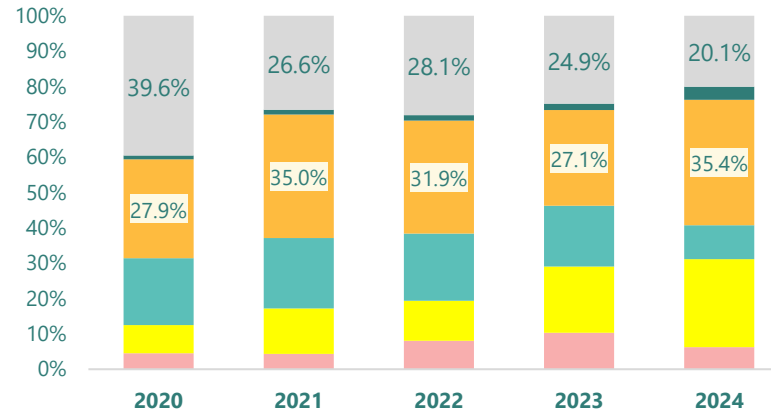
tỷ VNĐ



■ Tổng tài sản ■ TS ngắn hạn ■ TS dài hạn ■ Nợ phải trả ■ Nguồn VCSH

(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS

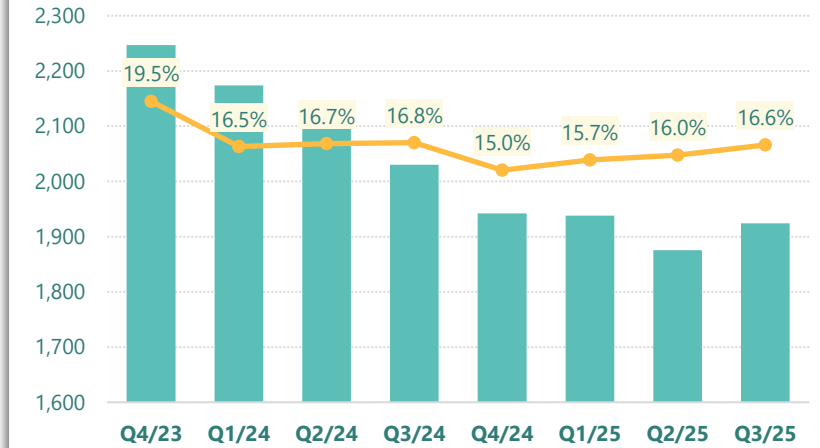


■ Tiền và ĐB tiền ■ Đầu tư TC ngắn hạn ■ Phải thu ngắn hạn ■ Hàng tồn kho ■ TSNH khác ■ TS dài hạn

(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định

tỷ VNĐ

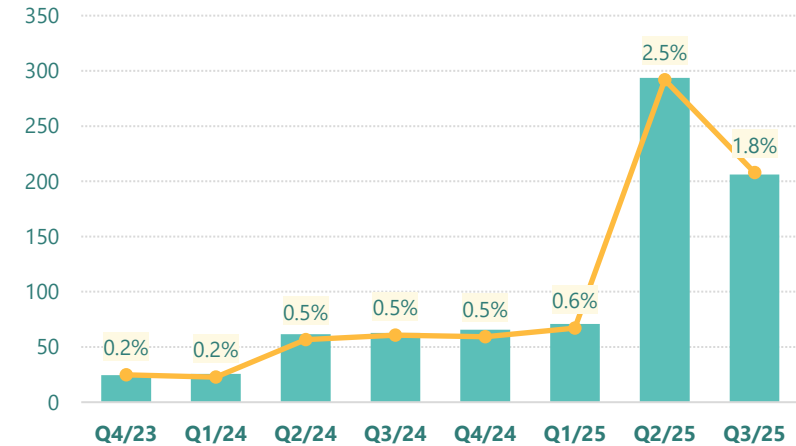


■ Tài sản cố định — TSCĐ/Tổng TS

(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang

tỷ VNĐ

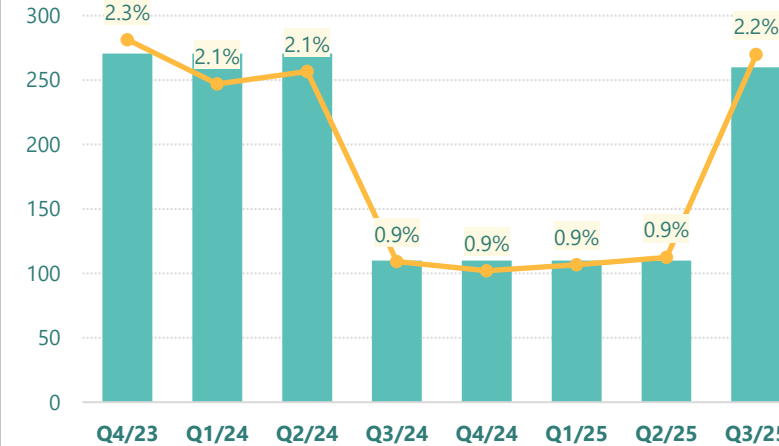


■ Tài sản dở dang — TSDD dài hạn/Tổng TS

(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn

tỷ VNĐ

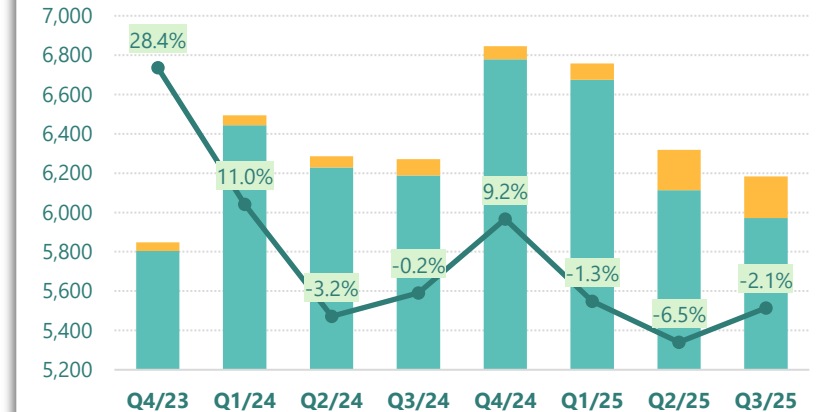


■ Đầu tư tài chính dài hạn — ĐTTC dài hạn/Tổng TS

(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay

tỷ VNĐ



■ Vay và nợ thuê ngắn hạn ■ Vay và nợ thuê dài hạn

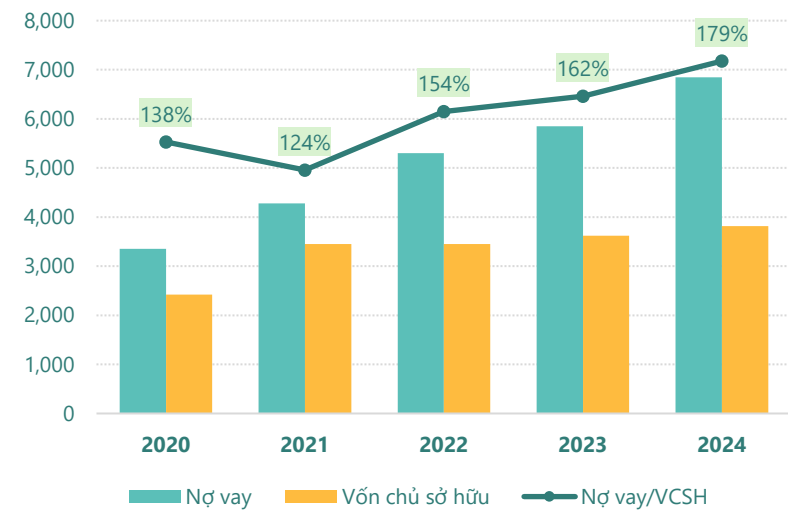
— Tăng trưởng nợ vay

(Nguồn: fireant.vn)

HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

Nợ vay/VCSH

tỷ VNĐ



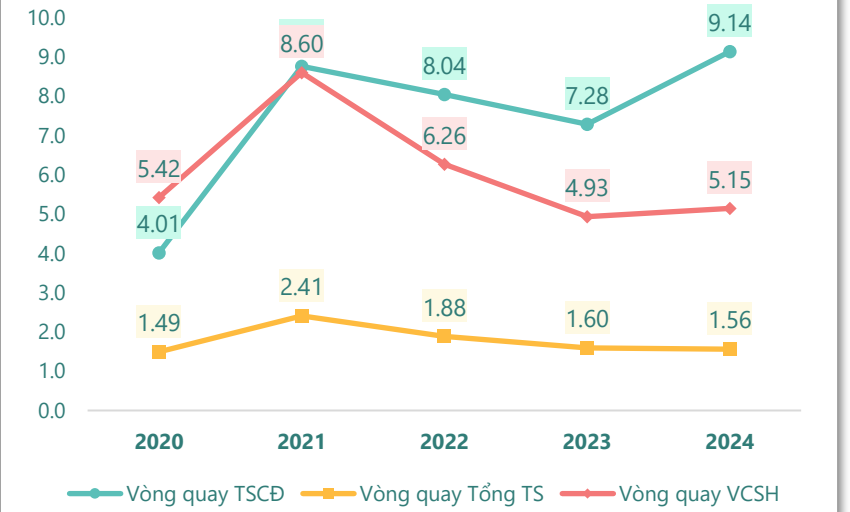
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



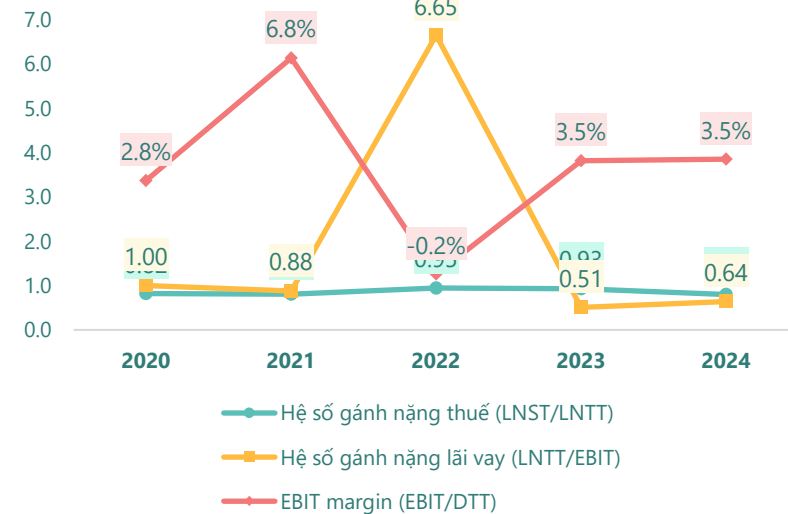
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



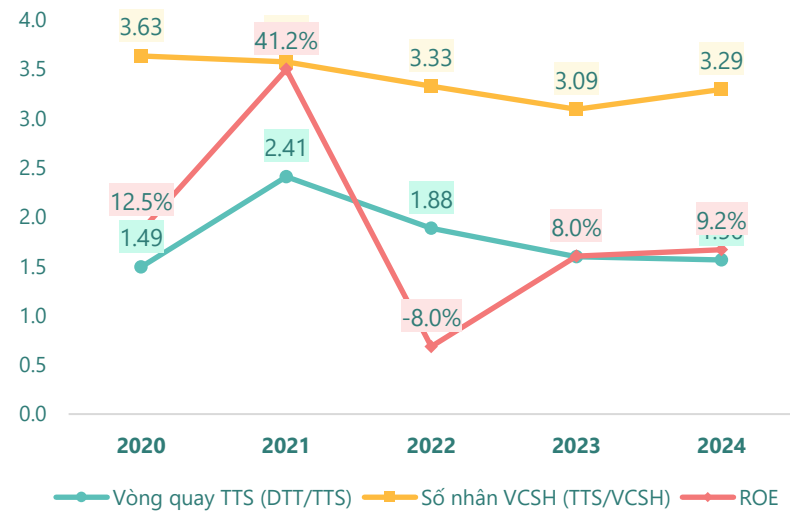
(Nguồn: fireant.vn)

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay



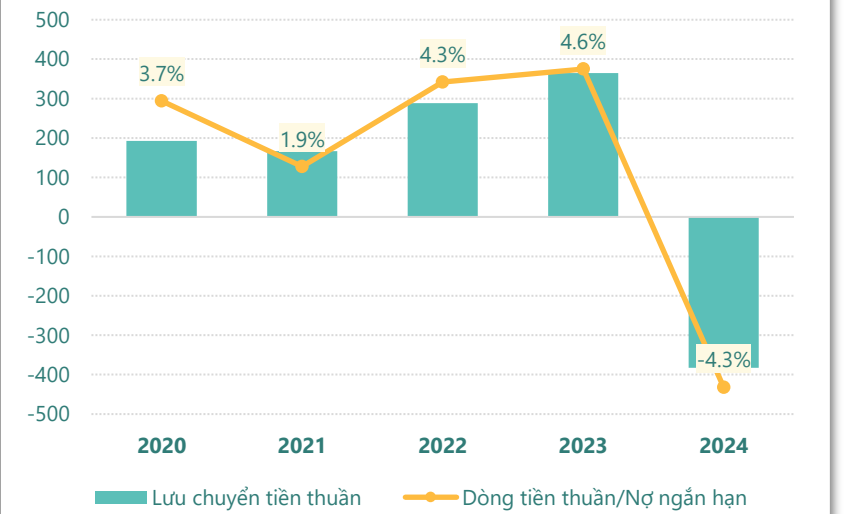
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản và ROE



(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

**KẾT QUẢ KINH DOANH**

(tỷ VNĐ)	Q3/25	Q3/24	Thay đổi YoY	9T 2025	9T 2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	3,680	5,163	-28.7%	11,914	15,248	-21.9%
Giá vốn hàng bán	3,483	4,789	-27.3%	11,097	13,982	-20.6%
Lợi nhuận gộp	197	374	-47.3%	817	1,265	-35.4%
Doanh thu HĐTC	87.5	86.5	1.2%	251	298	-15.6%
Chi phí TC	83.7	92.5	-9.5%	290	261	11.2%
Chi phí lãi vay	65.1	52.8	23.2%	202	172	17.6%
LN trong công ty LKLD	0	0.00		0	0	
Chi phí bán hàng	66.8	281	-76.2%	406	836	-51.4%
Chi phí QLDN	30.0	22.5	33.2%	81.6	69.6	17.3%
LN thuần từ HĐKD	104	64.7	61.2%	291	397	-26.8%
Lợi nhuận khác	2.24	2.49	-10.1%	5.58	5.07	10.0%
LN trước thuế	107	67.2	58.5%	296	402	-26.3%
Lợi nhuận sau thuế	85.0	53.7	58.3%	235	320	-26.5%
LNST của CĐ cty mẹ	85.0	53.7	58.3%	235	321	-26.6%

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ

(tỷ VNĐ)	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	59.1	-144	-88.1	-338	590	399
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	153	63.0	-312	420	-235	-241
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-263	5.58	432	-95.5	-634	-111
Tiền đầu kỳ	905	854	779	811	797	517
Lưu chuyển tiền thuần	-50.7	-75.7	31.8	-13.9	-280	46.8
Ảnh hưởng tỷ giá	-0.72	0.72	0.26	0	-0.07	0.18
Tiền cuối kỳ	854	779	811	797	517	564

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

(tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/9/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	11,558	12,939	-10.7%
Tài sản ngắn hạn	8,730	10,338	-15.6%
Tiền và tương đương tiền	564	811	-30.4%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	2,727	3,222	-15.4%
Phải thu ngắn hạn	1,970	1,242	58.6%
Hàng tồn kho	3,081	4,585	-32.8%
Tài sản ngắn hạn khác	388	479	-18.9%
Tài sản dài hạn	2,827	2,601	8.7%
Phải thu dài hạn	13.5	13.5	-0.5%
Tài sản cố định	1,924	1,942	-0.9%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	206	65.7	213%
Đầu tư tài chính dài hạn	260	110	136%
Tài sản dài hạn khác	417	461	-9.7%
Lợi thế thương mại	7.13	7.78	-8.4%
Nợ phải trả	7,651	9,124	-16.1%
Nợ ngắn hạn	7,439	9,002	-17.4%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	5,971	6,779	-11.9%
Phải trả người bán ngắn hạn	1,296	1,843	-29.7%
Nợ dài hạn	212	122	73.2%
Vay và nợ thuê dài hạn	212	66.6	218%
Nguồn vốn chủ sở hữu	3,907	3,815	2.4%
Vốn chủ sở hữu	3,907	3,815	2.4%
Vốn điều lệ	1,491	1,147	30.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

